TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU** Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT Ngày 17 tháng 4 năm 2019 V/v: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Phương;

Bà Đỗ Thị Huệ;

-Thư ký phiên toà:Bà Dương Thục Trinh - Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu*:**

Bà Trần Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở TAND tỉnh Lai Châu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28/12/2018 về việc " *Chia tài sản chung sau khi ly hôn* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của TAND Thành phố L, tỉnh Lai Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ- PT ngày 27/03/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1980.(Có mặt)

Địa chỉ: Đường 284, Xã Q, Huyện T, Tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Võ Đức C, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Bản C1, Xã S, Thành phố L, Tỉnh Lai Châu.

***3. Người kháng cáo*:** Bị đơn Võ Đức C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2014và các lời khai tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Chị và anh Võ Đức C ly hôn ngày 15/02/2012 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2012/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu. Theo Quyêt định thì về tài sản chung, nợ chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Tuy

nhiên trong quá trình tự thỏa thuận, anh chị đã không thống nhất được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là đất và tài sản gắn liền với đất. Hiện anh Võ Đức C đang quản lý, sử dụng gồm:

Khoảng 7000m^2 đất có địa chỉ ở bản P, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc đất mua của ông Sùng A C2 và bà Sùng Thị C3. Sau khi mua chị H và anh C cùng tôn tạo đất và xây dựng, cụ thể có những tài sản sau: 01 nhà sàn xây dựng năm 2009, cổng và tường bao xung quanh, công trình vệ sinh, chuồng gà xây dựng năm 2010. Tổng trị giá đất và tài sản gắn liền với đất khoảng 800.000.000 đồng.

Khoảng 15.931m^2 đất có địa chỉ ở bản P, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc đất mua của ông Vàng A T và bà Ma Thị M. Sau khi mua chị H và anh C cùng tôn tạo đất và xây dựng, cụ thể có những tài sản sau: 01 nhà kho xây dựng năm 2010; 01 ao cá có diện tích 899,2 m^2 đào năm 2009 và xây kè năm 2011. Tổng trị giá đất và tài sản gắn liền với đất khoảng 1.000.000.000 đồng.

Khoảng 11.419m^2 đất có địa chỉ ở bản P, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc đất mua của ông Sùng A S1 và bà Giàng Thị C4. Sau khi mua chị H và anh C cùng tôn tạo đất và xây dựng, cụ thể có những tài sản sau: 01 chuồng trại chăn nuôi có diện tích khoảng 600m^2 xây dựng năm 2010; 01 ao cá có diện tích 3.784,8 m^2 đào năm 2009 và xây kè năm 2011; 01 ngôi nhà tạm khoảng 100m^2 xây dựng năm 2010; tường rào bao xung quanh diện tích 11.419m^2; cổng ra vào phần đất trên (Anh C xây cổng sau khi đã ly hôn hết khoảng 10.000.000 đồng). Tổng trị giá đất và tài sản gắn liền với đất khoảng 1.200.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản là: 3.000.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày: Toàn bộ tài sản trên lẽ ra theo hai bên thỏa thuận là anh Võ Đức C được quản lý, sử dụng sau khi ly hôn nhưng sau khi ly hôn khoảng tháng 4/2012 anh C đến hạn phải trả khoản nợ 800.000.000 đồng ở Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Lai Châu. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là ngôi nhà 2 tầng đường 33m thuộc tổ 22, phường T2. Mục đích vay: Tiêu dùng + Sửa chữa nhà ở. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 18,5%/năm. (Đây là khoản nợ chung nhưng anh C nhận đứng ra trả sau khi ly hôn). Do anh C không có tiền để trả nợ ngân hàng nên mặc dù đã ly hôn nhưng chị H vẫn đứng ra trả khoản nợ trên, trong đó vay của ông T3 tiền gốc là 400.000.000 đồng, vay của bà X tiền gốc là 400.000.000 đồng (vay lãi suất theo ngày), tiền lãi chị phải tự xoay sở để tất toán khoản nợ. Sau đó chị H đã phải đứng ra vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lai Châu 800.000.000 đồng để trả cho bà X và ông T3 cho đến khi chị H bán được nhà thì mới có tiền mặt trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp

và phát triển nông thôn chi nhánh Lai Châu vào đầu năm 2013. Ngoài ra chị H còn đứng ra trả nợ cho nhà Đ-T khoản nợ 170.000.000 đồng; Trả cho anh S1-C4 20.000.000 đồng, trả cho nhà anh M1 7.200.000 đồng; Trả cho cháu H1 60.000.000 đồng, trả cho anh B 18.000.000 đồng, trả lãi ngân hàng 144.514.958 đồng. Tổng cộng là 1.219.714.958 đồng. Theo thỏa thuận khi ly hôn những khoản tiền đó anh Võ Đức C phải có trách nhiệm trả nhưng đến nay anh C vẫn chưa trả lại cho chị số tiền này nên chị khởi kiện buộc anh C phải trả cho chị số tiền trên.

Bị đơn là anh Võ Đức C trình bày:

Về tài sản chung của vợ chồng đã chia, có lập biên bản về việc phân chia tài sản. Cụ thể biên bản thỏa thuận như sau:

* Bà Nguyễn Thị Lệ H được quản lý, sử dụng những tài sản sau:

- 02 xuất đất tái định cư vừa xét (tên bà H và bà Trần Thị N)
- 01 nhà 2 tầng đường 33m thuộc tổ 22, phường T2;
- 60m mặt đường đi Đ – S (Ông C và Bà H đã thống nhất với nhau bà H có quyền giữ đất đến khi 02 con Võ Minh Q1 và Võ Yến N1 đến 18 tuổi thì giao đất cho các con. Đất thuộc UBND xã S quản lý (Ông C và bà H không có quyền được bán) Một bên giáp đường đi vào ao nhà ông T4, phía sau giáp bờ suối, một bên giáp đất ông C.
- Bà H có trách nhiệm trả cho ông Đ-T số tiền 170.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản trên thuộc về bà H được quyền sử dụng nếu ông C gây khó khăn hoặc cản trở vấn đề gì thì ông C chịu trách nhiệm trước pháp luật.

* Phần tài sản ông C được quyền sử dụng:

- 01 xe ô tô BKS 25K-1045;
- 02 nhà sàn + 01 nhà kho nấu rượu;
- Rượu +Ngô + máy lọc rượu + nồi nấu rượu và các loại máy nổ;
- 01 xuất đất tái định cư mới xét tên của ông Nguyễn Công N2;

Cá tầm + 02 ao cá tạp + lợn;

- Đất phía bên nhà sàn tính từ giáp đường vào ao nhà ông T4 trừ 60m của 02 con, còn lại ông C được sử dụng.
- Đất bên khu nhà kho rượu tính từ giáp nhà bà N đến suối;
- Đất bên khu chuồng lợn từ giáp suối đến giáp nhà bà H2;

Toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng của ông C nếu bà H gây khó khăn hoặc cản trở vấn đề gì thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ông C có trách nhiệm trả công nợ sau:

- Trả Ngân hàng đầu tư: 800.000.000 đồng; Nợ khác: 366.438.000 đồng.
- Tiền thuế: Thu tiền công trình TĐC N3 + CT 3G trả.

Biên bản phân chia tài sản trên tuy chưa được hai bên ký xác nhận đầy đủ nhưng phần tài sản của chị H thì chị H đã nhận và sử dụng anh không có ý kiến

gì nên giữa anh và chị H không còn ràng buộc gì về tài sản với nhau sau khi ly hôn. Thậm chí sau khi ly hôn chị H được giao trực tiếp nuôi hai con chung nhưng chị H đã không làm tròn trách nhiệm khiến cháu Võ Yến N1 bệnh ngày càng trầm trọng thêm. Nay anh C đã đón cả hai con chung là Võ Minh Q1, sinh ngày 01/11/2004 và Võ Yến N1, sinh ngày 04/9/2006 để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc chị H cho rằng, sau khi đã ly hôn chị H có quay lại sống với anh C một thời gian là đúng, nhưng sau khi bán hết nhà đất chị H đã về Bắc Giang sinh sống. Trước đó, khoảng tháng 4/2012, sau khi đã ly hôn thì đến hạn phải trả khoản nợ 800.000.000 đồng ở Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh tỉnh Lai Châu (có thế chấp nhà 2 tầng đường 33m thuộc tổ 22, phường T2 thuộc quyền sử dụng của chị H) theo thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ là của anh C. Tuy nhiên, chị H có đứng ra đáo nợ nhưng Ngân hàng chỉ cho chị H vay lại một nửa giá trị là 400.000.000 đồng do anh chị đã ly hôn. Số nợ 400.000.000 còn lại anh C phải mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Võ Thị Thu H3 (Là chị gái ruột của anh C) thế chấp ngân hàng vay được 280.000.000 đồng, anh C đưa cho chị H 250.000.000 đồng và vay tiếp gói khác được 120.000.000 đồng. Tổng cộng là 370.000.000 để H trả khoản nợ còn lại. Chị H vay ông L 100.000.000 đồng (Sau đó anh C đưa cho chị H 110.000.000 đồng là tiền công trình mới về để trả cho ông L nhưng ông L chỉ lấy đúng 100.000.000 đồng). Ngoài ra, sau khi ly hôn anh còn vay của anh T5 ở Điện Biên 110.000.000 đồng (định để mua cám cá) nhưng chị H bảo cần gấp nên anh C đưa cho chị H, chị H còn cầm 160.000.000 đồng của Liên minh Hợp tác xã (Vay 200.000.000 đồng nhưng chị H chỉ đưa cho anh Cảnh 40.000.000 đồng, còn lại 160.000.000 đồng không biết chị H sử dụng vào việc gì) hiện khoản nợ này vẫn còn nguyên anh C phải trả lãi cho đến nay, anh C còn trả nợ cho chị H 119.000.000 đồng cho ông T3. Sau khi ly hôn, anh C đã chịu trách nhiệm với các khoản nợ tổng cộng là 870.000.000 đồng. (Trong đó có những khoản cho đến nay anh C vẫn chưa trả xong đó là: khoản nợ mượn sổ đỏ của chị Võ Thị Thu H3, xe ô tô BKS 25K-1045 để thế chấp Ngân hàng đầu tư và Phát triển Chi nhánh Lai Châu, mỗi năm cứ phải đáo hạn cho đến thời điểm này vẫn còn nợ khoảng hơn 500.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 của Liên Minh hợp tác xã). Như vậy giữa anh và chị H không còn liên quan gì đến tài sản nữa. Sau khi ly hôn chị H đã bán nhà và đất cho người khác, nay lại làm đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu chia phần tài sản của anh là rất vô lý, việc khởi kiện đã gây rất nhiều khó khăn cho anh C, không thể sử dụng tài sản để thế chấp vay ngân hàng lấy vốn làm ăn do xác định đất đang có tranh chấp khiến anh rất bức xúc. Vì vậy anh không nhất trí với yêu cầu của chị H;

Đối với khoản vay ở Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT anh C không biết và không liên quan. Tuy nhiên anh thừa nhận sau khi chị H vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lai Châu, chị H có đưa cho anh 350.000.000 đồng để trả cho ông T3.

Theo tài liệu do Ngân hàng BIDV cung cấp lịch sử vay của khách hàng bà Nguyễn Thị Lệ H thể hiện: Ngày 16/9/2011, số tiền vay 800.000.000 đồng. Ngày 23/4/2012 Tất toán khoản vay; Ngày 29/5/2012 vay 400.000.000 đồng. Ngày 22/01/2013 tất toán khoản vay; Ngày 03/12/2012 vay 70.000.000 đồng. Ngày 22/01/2013 tất toán khoản vay.

Theo tài liệu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lai Châu cung cấp: Ngày 25/01/2013, chị Nguyễn Thị Lệ H có vay số tiền: 800.000.000 đồng. Ngày 30/01/2013 tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Lệ H thừa nhận: Khi nộp đơn ra Tòa án nhân dân thành phố L đề nghị giải quyết cho ly hôn, chị và anh Võ Đức C có lập biên bản thỏa thuận phân chia tài sản. Tuy nhiên, văn bản đó không có giá trị do không được lập đúng quy định của pháp luật nhưng chị thừa nhận phần tài sản của chị theo biên bản phân chia đó gồm: "02 xuất đất tái định cư vừa xét (tên bà H và ông Nguyễn Công N2); 01 nhà 2 tầng đường 33m thuộc tổ 22, phường T2" chị đã chuyển nhượng cho người khác sau khi ly hôn.

Đối với việc trả khoản nợ 800.000.000 đồng sau khi đã ly hôn, chị thừa nhận anh C có đưa cho chị tiền gồm: 1 lần 270.000.000 đồng. Tuy nhiên trước đó do sổ đỏ của chị H3 vẫn còn nợ 80.000.000 đồng ở Ngân hàng chị H phải xoay sở để vay ngoài khoản tiền trên để đáo nợ nên thực tế chỉ còn 165.000 đồng và 1 lần 120.000.000 đồng. Sau đó anh C có đưa cho chị H 100.000.000 đồng nữa để chị H trả nợ cho ông L chính là khoản tiền 110.000.000 đồng mà anh C vay của anh T5 ở Điện Biên (Vì lúc đó tiền công trình chưa về) .

Người làm chứng là ông Lê Ngọc L trình bày: Ông không có quan hệ thân thích gì với anh C và chị H nhưng anh em có quen biết nhau đã lâu. Việc phân chia tài sản hay nợ nần của anh chị trước đây như thế nào ông không rõ nhưng trong thời gian năm 2012 ông có cho chị H vay 100.000.000 đồng. Sau đó chị H cầm 110.000.000 đồng sang trả nhưng ông chỉ nhận 100.000.000 đồng. Đối với khoản vay của ông T3 ông là người đứng ra thế chấp tài sản để anh chị H C được vay của ông T3 số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc, sau đó khi đi trả ông cũng phải đi cùng để ký sổ với ông T3. Đối với khoản nợ ở Liên minh Hợp tác xã ông có lần cầm 40.000.000 đồng do chị H đưa cho anh C ở trang trại. Ngoài ra ông không biết gì thêm.

Người làm chứng là chị Võ Thị Thu H3 trình bày: Chị là chị gái ruột của anh Võ Đức C. Trước đây khi anh C và chị H còn chung sống có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà chị (Giấy vẫn mang tên Võ Đức C nhưng là

đất của chị chưa sang tên đổi chủ) để thế chấp ngân hàng vay tiền làm ăn. Đến khoảng năm 2012 anh C và chị H ly hôn. Anh C tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị vay được 02 món tiền. Vay lần 1 là 280.000.000 đồng; Lần 2 được 120.000.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng. Chị có nghe anh C bảo để trả nợ Ngân hàng. Còn khoản vay 200.000.000 đồng ở Liên minh Hợp tác xã. Trước đây do chị H làm chủ nhiệm khi bàn giao cho chị tiếp quản có thể hiện chị H vay 200.000.000 đồng, khi chị Võ Thị Thu H3 là giám đốc Liên minh hợp tác xã khoản vay này chị phải đứng tên. Sau đó do anh C gặp hỏa hoạn (cháy nhà kho) nên Liên minh giãn nợ và cho anh C vay tiếp 300.000.000 đồng. Cho đến nay anh C vẫn đang phải trả lãi, chưa trả được gốc cả hai khoản tiền trên.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của TAND Thành phố L, tỉnh Lai Châu đã quyết định:

Áp dụng Điều 59, 60, 62 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014. Điều 219 của Bộ luật dân sự 2005; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70,Điều 72, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ H về việc buộc anh Võ Đức C phải thanh toán cho chị số tiền là 342.650.597 đồng *(Ba trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng)*.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ án phí, quyền Thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2018 anh Võ Đức C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, anh Võ Đức C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Chị Nguyễn Thị Lệ H đề nghị: Nếu anh C đồng ý để cho hai cháu Võ yến N1 và cháu Võ Minh Q1 60m đất mặt đường đi Đ theo như thỏa thuận giữa anh C và chị thì chị sẽ rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; Số tiền mà cấp sơ thẩm tuyên anh C phải trả cho chị hơn 300 triệu chị để lại cho anh C. Nếu anh C không đồng ý thì chị đề nghị chia theo pháp luật. Anh Võ Đức C không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh lai Châu đề nghị: Áp dụng các điều 4, điều 5, điều 6 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị Lệ H cho rằng chị và anh Võ Đức C đã có quyết định Thuận tình ly hôn nhưng tài sản chung chưa chia, mặc dù sau đó anh chị có thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản nhưng anh C không thực hiện theo như thỏa thuận, nay chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Tòa án nhân dân Thành phố L thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ H, chị đề nghị chia tài sản chung là 03 mảnh đất: Một mảnh đất khoảng 7000m^2 có địa chỉ ở bản P, xã Sa, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc đất mua của ông Sùng A C2 và bà Sùng Thị C3. Sau khi mua chị H và anh C cùng tôn tạo đất và xây dựng, cụ thể có những tài sản sau: 01 nhà sàn xây dựng năm 2009, cổng và tường bao xung quanh, công trình vệ sinh, chuồng gà xây dựng năm 2010. Tổng trị giá đất và tài sản gắn liền với đất khoảng 800.000.000 đồng; Một mảnh khoảng 15.931m^2 đất có địa chỉ ở bản P, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc đất mua của ông Vàng A T1và bà Ma Thị M sau đó hai vợ chồng xây dựng trên đất một số tài sản, tổng trị giá đất và tài sản gắn liền với đất khoảng 1.000.000.000 đồng; Một mảnh đất khoảng 11.419m^2 đất có địa chỉ ở bản P, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc đất mua của ông Sùng A S1 và bà Giàng Thị C4. Sau khi mua chị H và anh C cùng tôn tạo đất và xây dựng trên đất một số tài sản, tổng trị giá đất và tài sản gắn liền với đất khoảng 1.200.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là: 3.000.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản này lẽ ra theo hai bên thỏa thuận là anh Võ Đức C được quản lý, sử dụng sau khi ly hôn và có trách nhiệm trả nợ một số khoản vay nhưng anh C không trả mà chị H phải đứng ra trả,tổng cộng là 1.219.714.958 đồng nên chị khởi kiện buộc anh C phải trả cho chị số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với 3 mảnh đất nói trên để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Võ Đức C không hợp tác và có thái độ chửi bới đe dọa đến tính mạng, xúc phạm danh dự nhân phẩm cán bộ Tòa án khi làm nhiệm vụ tống đạt văn bản tố tụng (BL73) ; Cố tình không hợp tác, gây cản trở việc xem xét thẩm định tại chỗ(BL 110,111). Do đó cấp sơ thẩm chỉ xem xét đến khoản nợ mà chị H cho rằng nợ chung mà chị H phải trả. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H mặc dù không kháng cáo nhưng đề nghị: Nếu anh C đồng

ý để cho hai cháu Võ yến N1 và cháu Võ Minh Q1 60m đất mặt đường đi Đ theo như thỏa thuận giữa anh C và chị thì chị sẽ rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; Số tiền mà cấp sơ thẩm tuyên anh C phải trả cho chị hơn 300 triệu chị để lại cho anh C . Nếu anh C không đồng ý thì chị đề nghị chia theo pháp luật. Anh Võ Đức C không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy để giải quyết toàn diện vụ án thì các khoản nợ chung này cần phải được giải quyết đồng thời với các tài sản chung khác (trong đó có 3 mảnh đất nêu trên) cấp sơ thẩm đã không xem xét hết yêu cầu của đương sự (nguyên đơn), Nguyên nhân không xem xét việc chia 3 mảnh đất là do không xem xét thẩm định được là không thuyết phục, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị H mà cấp phúc thẩm không thể bổ xung được. *" Lẽ ra trong trường hợp phía bị đơn không hợp tác, gây khó khăn cho các cấp Tòa án trong việc xác minh đo vẽ cụ thể các diện tích nhà đất, công trình kiến trúc thì Tòa án cần áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong đó có biện pháp Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện một số hành vi nhất định để Tòa án thực hiện việc xác minh đo vẽ theo số đo cụ thể các diện tích nhà đất...."*- (Quyết định giám đốc thẩm số16/2006/DS-GĐT ngày 05- 7- 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, trang 268, quyết định giám đốc thẩm này được xem như một án lệ trong quá trình giải quyết các vụ việc tương tự). Sau khi ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà đương sự vẫn cố tình gây khó khăn cản trở thì tùy thuộc váo tính chất mức độ hành vi của đương sự để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Về Nội dung: Do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như đã nêu ở trên. Việc thu thập chứng cứ (Xem xét thẩm định tại chỗ) không theo đúng quy định tại điều 101, 127 Bộ luật Tố tụng dân sự, dẫn đến bỏ sót yêu cầu của đương sự là vi phạm điều 4 Luật Tố tụng Dân sự "Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp" của chị Hoàn mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, do đó không có căn cứ xem xét về nội dung, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, anh Võ Đức C không phải chịu án phí Dân sự Phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 293,khoản 3 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự ,

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Võ Đức C, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của TAND Thành phố L, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố L tỉnh Lai Châu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về án phí: Anh Võ Đức C không phải chịu án phí Phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh C đã nộp 300.000,đồng tại biên lai số 0003630 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố L nay được hoàn lại.

Án phí sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 17/4/2019./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND tp L;
- VKSND tp L;
- THADS tp L;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA.

Trần Thị Hòa